

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 161/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Quỳnh và bà Nguyễn Thị Tiếp.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1985 .

Nơi cư trú: Thôn Bình H 1, xã Cẩm B, huyện C, Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Đức N, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn X, xã Cẩm B, huyện C, Thanh Hóa

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2020 và bản tự khai nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh N kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm B, huyện C, Thanh Hóa ngày 23/4/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng. Trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hòa hợp về quan điểm sống và trong công việc. Trước khi kết hôn với anh N chị đã ly hôn với người chồng trước và có con riêng, nhưng anh N có thái độ không tốt với con riêng của chị. Chị nhận thấy mức độ mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng và không thể tiếp tục chung sống với anh N được nữa. Chị và anh đã ly thân từ ngày 01/01/2019 đến nay, tình cảm không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Ng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phạm Trần Thùy L, sinh ngày 04/7/2018. Hiện nay, con đang ở với chị. Chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con. Về con riêng: Chị có một con riêng Phạm

Hùng A, sinh ngày 16/11/2010. Chị là người trực tiếp nuôi con, không liên quan đến anh N chị không có yêu cầu gì về vấn đề này.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Đức N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Giấy triệu tập cho anh N, nhưng anh N vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh đối với người thân của anh Ngọc là ông Phạm Văn X (bố đẻ của anh Ngọc). Ông X cho biết: Hiện nay anh N đang đi làm ở quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh, địa chỉ cụ thể ông không biết. Anh N và chị H xảy ra mâu thuẫn như thế nào ông không biết. Việc chị H làm đơn xin ly hôn là do vợ chồng tự quyết định. Anh N đã gọi điện trao đổi do công việc bận nên không về được và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Ông X đã nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông đã cam kết giao lại cho anh N.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, điều 58 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị H ly hôn anh N.

Về con chung: Giao cháu Phạm Trần Thùy L, sinh ngày 04/7/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về con riêng: Chị H có một con riêng Phạm Hùng, sinh ngày 16/11/2010. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Trần Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Phạm Đức N trú tại: Thôn X, xã Cẩm B, huyện C, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Anh Phạm Đức N hiện không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh tại Công an xã Cẩm B, anh N có hộ khẩu thường trú tại địa phương, anh đang đi làm ăn nhưng không có địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng anh vẫn về quê, anh N đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết. Căn cứ vào khoản 3 điều 40; điểm b khoản 2 điều 277 của BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là thôn X, xã Cẩm B, huyện C, Thanh Hóa.

Anh N đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Các thủ tục tố tụng đã được đã tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227- Bộ luật TTDS. Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vắng mặt anh N. Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm B, huyện C, Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc. Anh N có thái độ không tốt với con riêng của chị. Chị và anh đã ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51 và điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung Phạm Trần Thùy L, sinh ngày 04/7/2018. Chị H có nguyện vọng được nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị H là chính đáng, hiện nay con đang ở với chị. Do đó, giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về con riêng: Chị H có một con riêng Phạm Hùng A, sinh ngày 16/11/2010. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 96, khoản 4 điều 147, khoản 5 điều 177, **điểm b khoản 2 điều 227** và điều 273 Bộ luật TTDS. Điều 51, điều 56, điều 57, điều 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị H. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Đức N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trần Thùy L, sinh ngày 04/7/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Chị H không yêu cầu anh Ngọc cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về con riêng: Chị H có một con riêng Phạm Hùng A, sinh ngày 16/11/2010. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003274, ngày 20/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện C.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện C.
- UBND xã Cẩm B.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Vũ Thị Ánh Tuyết

